TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2026/DS-ST
Ngày: 23 - 6 - 2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Diệu Linh – Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 193/2026/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1840/2026/QĐST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: 2 N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh chức V: Quyền Tổng Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê V1 - chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ1. (quyết định số 1184/2025/QĐ-PC ngày 15/4/2025)

Người được ủy quyền lại: Ông Trần Hữu Đ; Địa chỉ: B đường C tháng D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ). (giấy ủy quyền số 342/GUQ-CNĐN ngày 16/6/2025)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 7 đường P, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ).

(Ông Đ có đơn xin vắng mặt; ông P vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2025 và các lời khai tiếp theo tại Toà nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có ông Trần Hữu Đ đại diện trình bày:

Ngày 31/08/2022, ông Nguyễn Tấn P có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 250/2022/TTDT8 *(bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và phiếu cấp mã QR xem Biểu phí, Điều khoản, Điều kiện phát hành và hướng dẫn sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng)*. Căn cứ thu nhập của ông P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 150.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ kể từ ngày 05/09/2022 đến ngày 05/05/2025, ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 232.662.954 đồng. Kể từ ngày 05/10/2022 đến ngày 25/11/2025, ông P đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 141.899.796 đồng. Qua thời gian sử dụng thẻ ông P không thanh toán thêm cho Ngân hàng, Ngân hàng nhiều lần làm việc, đôn đốc nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán *(Điều 13 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)* nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn *(Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)*.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (23/6/2026), ông P còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 139.726.564 đồng.

- Phí trễ hạn: 1.093.982 đồng.

- Lãi: 86.087.075 đồng.

Tổng cộng: 226.907.621 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông P có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông P vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Tấn P phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (23/6/2026) là 226.907.621 đồng *(Hai trăm hai mươi sáu triệu chín trăm lẽ bảy nghìn sáu trăm hai mươi mốt đồng)*. Trong đó nợ gốc là 139.726.564 đồng, phí trễ hạn là 1.093.982 đồng, lãi suất là 86.087.075 đồng và ông P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 24/6/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

+ Bị đơn ông Nguyễn Tấn P đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bao gồm Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc và không có bản khai nộp cho Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực Đồng Nai:

+ Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, còn bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án để đến tham dự phiên tòa.

+ Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn P phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử (23/6/2026) là 226.907.621 đồng *(Hai trăm hai mươi sáu triệu chín trăm lẽ bảy nghìn sáu trăm hai mươi mốt đồng)*. Trong đó nợ gốc là 139.726.564 đồng, phí trể hạn là 1.093.982 đồng, lãi suất là 86.087.075 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để ông Nguyễn Tấn P biết đến Tòa làm việc nhưng ông P không có mặt để cung cấp lời khai, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến cũng như ý kiến phản bác, do đó không có lời khai của ông P tại hồ sơ, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai và những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng và ông P vắng mặt nhưng Ngân hàng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không đến tham dự phiên tòa, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Ngân hàng, còn ông P Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tấn P; Địa chỉ: 7 đường P, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ) thanh toán số tiền vay cùng lãi suất trong hợp đồng tín dụng và mục đích vay là tiêu dùng. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực Đồng Nai. Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[3] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án không làm việc được với bị đơn ông P nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP S cung cấp là giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng

số 250/2022/TTDT8 ngày 31/8/2022 có chữ ký, chữ viết của các bên, do đó có đủ cơ sở xác định vào ngày 31/8/2022 giữa Ngân hàng và ông P đã ký kết hợp đồng như nguyên đơn trình bày là có cơ sở. Xét giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 250/2022/TTDT8 ngày 31/8/2022 ký kết giữa Ngân hàng và ông P là đúng chủ thể, mục đích, hạn mức sử dụng, lãi suất được các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp theo quy định tại các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, sau khi được cấp thẻ kể từ ngày 05/09/2022 đến ngày 05/05/2025, ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 232.662.954 đồng, từ ngày 05/10/2022 đến ngày 25/11/2025, ông P đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 141.899.796 đồng. Sau đó ông P không thanh toán thêm cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Từ những chứng cứ Ngân hàng cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và buộc P có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm (23/6/2026) cho Ngân hàng, cụ thể: Tiền nợ gốc là 139.726.564 đồng, phí hạn là 1.093.982 đồng, lãi suất là 86.087.075 đồng. Tổng cộng: 226.907.621 đồng *(Hai trăm hai mươi sáu triệu chín trăm lẽ bảy nghìn sáu trăm hai mươi mốt đồng)*.

[4] Về án phí: Buộc ông Nguyễn Tấn P phải chịu 11.345.381 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.894.000 đồng theo biên lai số 0001690 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ.

[5] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực Đồng Nai tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 91, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐCA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi chậm trả.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc là 139.726.564 đồng, phí trể hạn là 1.093.982 đồng, lãi suất là 86.087.075 đồng. Tổng cộng: 226.907.621 đồng *(Hai trăm hai mươi sáu triệu chín trăm bảy nghìn sáu trăm hai mươi mốt đồng)*.

+ Về án phí: Ông Nguyễn Tấn P phải chịu 11.345.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.894.000 đồng theo biên lai số 0001690 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngân hàng TMCP S, ông P vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự TP. Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Văn Toàn